

CHỈ THỊ
Về xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và
dự toán ngân sách nhà nước năm 2027

Năm 2027 là năm thứ hai triển khai Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng, Kết luận số 18-KL/TW ngày 02 tháng 4 năm 2026 và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026-2030, là năm bản lề củng cố nền tảng thực hiện mục tiêu tăng trưởng hai con số. Trong bối cảnh, tình hình thế giới diễn biến phức tạp, thách thức nhiều hơn thuận lợi; trong nước nền kinh tế vừa phải giải quyết các vấn đề nội tại, vừa thực hiện các nhiệm vụ có tính đột phá, mở đường và thích ứng với bối cảnh toàn cầu mới.

Thực hiện Chỉ thị số 26/CT-TTg ngày 12 tháng 6 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ; để phát huy những kết quả đã đạt được, vượt qua khó khăn, thách thức, thực hiện có hiệu quả Chương trình công tác toàn khoá của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh lần thứ nhất, nhiệm kỳ 2025-2030; các Nghị quyết chuyên đề, chương trình, kế hoạch của Tỉnh ủy; vận hành hiệu quả chính quyền địa phương 02 cấp; kiên định thực hiện mục tiêu tăng trưởng hai con số. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường tiếp tục đổi mới sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, không để lãng phí thời gian và cơ hội, coi người dân, doanh nghiệp là trung tâm, chủ thể của mọi chính sách, phát huy ý chí tự lực, tự cường và khát vọng vươn lên, chung sức, đồng lòng, biến mọi khó khăn, thách thức thành cơ hội bứt phá, quyết tâm cao, nỗ lực lớn, hành động quyết liệt, tập trung xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2027 với các nội dung chủ yếu sau:

I. YÊU CẦU TRONG XÂY DỰNG KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2027

1. Đối với đánh giá Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2026

- Các sở, ban, ngành, địa phương theo chức năng, nhiệm vụ được giao tập trung đánh giá đầy đủ, thực chất khách quan, trung thực, sát thực tiễn kết quả thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp thực hiện Kết luận số 18-KL/TW và Kết luận số 199-KL/TW của Trung ương, các Nghị quyết của Quốc hội về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, tài chính quốc gia và vay, trả nợ công, đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2026-2030 và năm 2026⁽¹⁾, sự chỉ

⁽¹⁾ Nghị quyết số 244/2025/QH15 ngày 13 tháng 11 năm 2025; Nghị quyết số 25/2026/QH16 ngày 24 tháng 4 năm 2026 của Quốc hội

đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ⁽²⁾, của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh⁽³⁾ và Ủy ban nhân dân tỉnh⁽⁴⁾ về các chủ trương, quan điểm, nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2026-2030 và năm 2026.

- Kết quả triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao Chương trình công tác toàn khóa của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, nhiệm kỳ 2025-2030; Chương trình công tác năm 2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh; Chương trình công tác năm 2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; các Chương trình, Kế hoạch thực hiện các Nghị quyết, Kết luận của Trung ương; trọng tâm, đánh giá lồng ghép kết quả thực hiện 11 nghị quyết đột phá của Bộ Chính trị⁽⁵⁾ và 06 nghị quyết chuyên đề của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh⁽⁶⁾, 04 nghị quyết chuyên đề của Ban Thường vụ Tỉnh ủy⁽⁷⁾.

- Rà soát, báo cáo đầy đủ kết quả thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu đã được giao theo biểu mẫu tại Phụ lục kèm theo Chỉ thị số 26/CT-TTg ngày 12 tháng 6 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ và Hướng dẫn số 8453/BTC-NSNN ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Bộ Tài chính về hướng dẫn đánh giá thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2026, dự kiến Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội năm 2027 (có các Văn bản gửi kèm theo).

2. Đối với xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2027

Trên cơ sở đánh giá kết quả thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2026, bối cảnh tình hình thế giới và trong nước; các quan điểm, định hướng phát triển của tỉnh; các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường tập trung xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2027 của ngành, lĩnh vực, địa phương quản lý; trong đó tập trung:

- Xác định các mục tiêu, chỉ tiêu⁽⁸⁾, định hướng, nhiệm vụ, giải pháp trọng

⁽²⁾ Trọng tâm là Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 08 tháng 01 năm 2026; Nghị quyết số 109/NQ-CP ngày 16 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ; Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 23/4/2026 của Thủ tướng Chính phủ;...

⁽³⁾ Nghị quyết số 47/NQ-HĐND ngày 09/12/2025; Nghị quyết số 50/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

⁽⁴⁾ Văn bản số 162/UBND-VP2 ngày 16/12/2025; Văn bản số 1048/UBND-VP2 ngày 18/02/2026 và các kết luận phiên họp thường kỳ Ủy ban nhân dân tỉnh.

⁽⁵⁾ Gồm: (1) Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024; (2) Nghị quyết số 59-NQ/TW, ngày 24 tháng 01 năm 2025; (3) Nghị quyết số 66-NQ/TW, ngày 30 tháng 4 năm 2025; (4) Nghị quyết số 68-NQ/TW, ngày 04 tháng 5 năm 2025; (5) Nghị quyết số 79-NQ/TW, ngày 06 tháng 01 năm 2026; (6) Nghị quyết số 70-NQ/TW, ngày 20 tháng 8 năm 2025; (7) Nghị quyết số 71-NQ/TW, ngày 22 tháng 8 năm 2025; (8) Nghị quyết số 72-NQ/TW, ngày 09 tháng 9 năm 2025; (9) Nghị quyết số 80-NQ/TW, ngày 07 tháng 01 năm 2026; (10) Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 19 tháng 5 năm 2026; (11) Nghị quyết số 10-NQ/TW ngày 08 tháng 6 năm 2026.

⁽⁶⁾ Gồm: (1) Nghị quyết số 05-NQ/TU, ngày 30/01/2026 về xây dựng Ninh Bình trở thành thành phố trực thuộc Trung ương trước năm 2030; (2) Nghị quyết số 06-NQ/TU, ngày 30/01/2026 về chiến lược đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tỉnh Ninh Bình đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; (3) Nghị quyết số 07-NQ/TU, ngày 30/01/2026 về chiến lược phát triển công nghiệp văn hóa, du lịch tỉnh Ninh Bình đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; (4) Nghị quyết số 08-NQ/TU, ngày 30/01/2026 về chiến lược phát triển y tế tỉnh Ninh Bình đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; (5) Nghị quyết số 09-NQ/TU, ngày 30/01/2026 về phát triển giáo dục và đào tạo tỉnh Ninh Bình đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; (6) Nghị quyết số 16-NQ/TU, ngày 12/02/2026 về chiến lược phát triển kinh tế biển tỉnh Ninh Bình đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

⁽⁷⁾ Gồm: (1) Nghị quyết số 10-NQ/TU, ngày 30/01/2026 về phát triển kinh tế tư nhân tỉnh Ninh Bình đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; (2) Nghị quyết số 11-NQ/TU, ngày 30/01/2026 về xây dựng và phát triển kết cấu hạ tầng trên địa bàn tỉnh Ninh Bình theo hướng đồng bộ, hiện đại; (3) Nghị quyết số 12-NQ/TU, ngày 30/01/2026 về tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo công tác quản lý, khai thác, sử dụng hiệu quả nguồn tài nguyên đất đai, khoáng sản trên địa bàn tỉnh Ninh Bình đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; (4) Nghị quyết số 15-NQ/TU, ngày 30/01/2026 về phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao trên địa bàn tỉnh Ninh Bình đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

⁽⁸⁾ Các chỉ tiêu theo ngành, lĩnh vực phụ trách phải: (i) thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia; (ii) Bảo đảm khả năng thu thập thông tin, theo dõi liên tục, đánh giá định kỳ; không đề xuất các chỉ tiêu chuyên ngành, phức tạp, chủ yếu phục vụ mục đích nghiên cứu; (iii) Bảo đảm tính khả thi, dễ hiểu, có khả năng so sánh dữ liệu với quá khứ; (iv) Bảo đảm tính gắn kết chặt chẽ và phản ánh trực tiếp hình thức thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu; (v) Phù hợp với hệ thống chỉ tiêu về kinh tế xã hội 5 năm 2026-2030 đã đặt ra tại Kết luận số 18-KL/TW của Trung ương. Trường hợp chỉ tiêu đề xuất không thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia phải có định nghĩa, khái niệm, phương pháp tính rõ ràng, phù hợp

tâm bám sát các chủ trương, đường lối của Đảng, các định hướng đã được đề ra tại Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng, Kết luận số 18-KL/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, các chỉ đạo của đồng chí Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm và các Nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ gắn với sản phẩm cụ thể, bảo đảm “*rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, rõ thẩm quyền, rõ thời gian, rõ kết quả*” và lượng hoá được. Đảm bảo phù hợp với điều kiện thực tiễn, trình độ phát triển, kế thừa những thành quả đã đạt được, có đổi mới, tiếp cận xu hướng phát triển chung của cả nước, của vùng, phù hợp với mô hình chính quyền địa phương 02 cấp; khai thác tốt tiềm năng, thế mạnh, khắc phục những tồn tại, hạn chế trong thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Kiên định các mục tiêu, quan điểm, định hướng phát triển kinh tế - xã hội theo hướng “*Xanh, bền vững và hài hòa*”. Thúc đẩy, tạo đột phá cho các động lực tăng trưởng mới, lấy khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số làm động lực chính. Tiếp tục đẩy mạnh cơ cấu lại các ngành kinh tế; làm mới các động lực tăng trưởng truyền thống từ đầu tư, tiêu dùng, xuất khẩu và phát triển mạnh mẽ các ngành, lĩnh vực, mô hình kinh tế mới.

- Triển khai đồng bộ, hiệu quả các nội dung điều chỉnh Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn năm 2050; hoàn thành việc lập quy hoạch chung đô thị và quy hoạch chung xã, phường theo định hướng điều chỉnh Quy hoạch tỉnh; tổ chức triển các quy hoạch phân khu các khu vực tạo động lực phát triển, quy hoạch phân khu các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu du lịch; tiếp tục phối hợp với các cơ quan, đơn vị bổ sung Cảng hàng không Quốc tế Ninh Bình vào quy hoạch mạng lưới cảng hàng không quốc gia.

- Tập trung phát triển công nghiệp hiện đại, thông minh, xanh hóa, tham gia sâu vào chuỗi giá trị toàn cầu với các sản phẩm công nghiệp chủ lực có sức cạnh tranh cao; đẩy mạnh phát triển công nghiệp theo chiều sâu, chuyển dịch cơ cấu theo hướng tăng tỷ trọng các ngành công nghiệp chế biến, chế tạo, công nghiệp phụ trợ để nâng cao giá trị tăng thêm của ngành công nghiệp. Chú trọng thu hút đầu tư phát triển một số ngành công nghiệp nền tảng mới, công nghiệp năng lượng. Đẩy nhanh tiến độ lập, điều chỉnh quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết khu kinh tế, các Khu công nghiệp kết nối đồng bộ với Quy hoạch tỉnh Ninh Bình thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Tập trung hoàn thành quy hoạch và thu hút đầu tư hạ tầng Khu kinh tế Ninh Cơ, Khu công nghệ cao Hà Nam và các khu công nghiệp đồng bộ, hiện đại để thu hút các dự án công nghệ cao then chốt, như: điện tử, chip bán dẫn, trí tuệ nhân tạo, công nghiệp hỗ trợ, sản xuất thông minh, công nghiệp xanh... tạo sản phẩm có giá trị gia tăng cao, thu ngân sách lớn.

- Thúc đẩy đô thị hoá và phát triển đô thị bền vững; tiếp tục triển khai các nhiệm vụ, giải pháp hoàn thiện các tiêu chí, tiêu chuẩn bảo đảm công nhận đô thị loại I, tiến tới thành lập thành phố trực thuộc Trung ương trước năm 2030; hướng dẫn các xã, phường trong công tác chỉnh trang đô thị, đầu tư hạ tầng kỹ thuật đô thị; nghiên cứu xây dựng cơ sở dữ liệu về hạ tầng kỹ thuật đô thị (thí điểm tại khu vực trung tâm). Thu hút mọi nguồn lực để đầu tư, ưu tiên thu hút các dự án nhà ở xã hội, nhà ở cho thuê, các dự án khu đô thị, khu nhà ở đảm bảo đáp ứng nhu cầu sử dụng, tránh lãng phí tài nguyên đất.

- Phát triển thương mại - dịch vụ theo hướng văn minh, hiện đại; triển khai hiệu quả các biện pháp bảo đảm cân đối cung cầu hàng hóa, kích cầu tiêu dùng nội địa gắn với cuộc vận động “*Người Việt Nam dùng hàng Việt Nam*”, ổn định thị trường trên địa bàn tỉnh. Thực hiện hiệu quả các chương trình, kế hoạch phát triển thương mại điện tử, xúc tiến thương mại tạo điều kiện để doanh nghiệp đổi mới công nghệ, mở rộng thị trường, xây dựng và quảng bá thương hiệu; thúc đẩy xuất khẩu, mở rộng, đa dạng hoá chuỗi cung ứng, chuỗi sản xuất gắn với nâng cao chất lượng sản phẩm, tham gia sâu vào các chuỗi cung ứng khu vực, toàn cầu.

- Phát triển du lịch và công nghiệp văn hóa trở thành cụm ngành kinh tế mũi nhọn, có thương hiệu và hình ảnh riêng gắn với tiềm năng, giá trị Cố đô Hoa Lư và Di sản Văn hóa và Thiên nhiên thế giới Quần thể danh thắng Tràng An. Mở rộng thị trường du lịch, phát triển các sản phẩm du lịch đặc thù, có chiều sâu, tăng thời gian lưu trú và gia tăng mức chi tiêu của du khách gắn với bảo tồn và phát huy giá trị di sản, văn hóa, sinh thái và bản sắc địa phương; coi ẩm thực, lễ hội, sự kiện và các trải nghiệm văn hóa là trụ cột tạo khác biệt cho điểm đến. Khuyến khích hình thành các sản phẩm, không gian và hoạt động du lịch có khả năng lan tỏa mạnh; thúc đẩy phát triển du lịch ban đêm, các sản phẩm du lịch biển đặc trưng gắn với du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng, làng nghề, ẩm thực và sản phẩm OCOP; phát triển kinh tế dịch vụ và tiêu dùng xã hội, tạo động lực tăng trưởng mới cho ngành Du lịch và nền kinh tế địa phương. Tập trung phát triển du lịch biển trở thành không gian phát triển mới và động lực tăng trưởng quan trọng; triển khai hiệu quả Kế hoạch phát triển du lịch biển giai đoạn 2026-2030; tập trung nguồn lực để phối hợp tổ chức kỳ họp thứ 49 của Ủy ban Di sản Thế giới năm 2027;...

- Cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng hiệu quả, bền vững, phát triển nông nghiệp sinh thái, hữu cơ, an toàn, tuần hoàn, ứng dụng công nghệ cao, phát triển nông nghiệp số. Đẩy mạnh khai thác và nuôi trồng thủy, hải sản với quy mô lớn, công nghệ cao, nâng cao giá trị gia tăng gắn với bảo vệ nguồn lợi thủy, hải sản. Tập trung phát triển các sản phẩm nông nghiệp chủ lực, sản phẩm đặc sản, OCOP có giá trị kinh tế và sức cạnh tranh cao, hình thành các khu nông nghiệp ứng dụng

công nghệ cao, kết nối đồng bộ với hệ thống logistics và công nghiệp chế biến sâu nhằm gia tăng giá trị và tạo nguồn hàng chủ lực cho xuất khẩu. Tập trung xây dựng nông thôn mới theo hướng hiện đại, văn minh, thích ứng với biến đổi khí hậu; bảo đảm hài hòa giữa phát triển kinh tế - xã hội với bảo vệ môi trường, giữ gìn cảnh quan, bản sắc văn hóa và các giá trị truyền thống.

- Tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong quản lý điều hành thu - chi ngân sách nhà nước. Tổ chức tốt công tác quản lý thu, chống thất thu, mở rộng cơ sở thu ngân sách nhà nước; đẩy mạnh chuyển đổi số, hiện đại hóa công tác thu thuế; theo dõi sát diễn biến thu ngân sách nhà nước, bảo đảm cân đối giữa việc thực hiện mục tiêu thu ngân sách nhà nước và hỗ trợ người dân, doanh nghiệp. Siết chặt và triệt để tiết kiệm chi thường xuyên; rà soát, sắp xếp các nhiệm vụ chi chưa thực sự cấp thiết, chỉ ban hành mới cơ chế, chính sách chi ngân sách nhà nước khi có nguồn tài chính bảo đảm; chủ động rà soát các nhiệm vụ chi cấp xã, đảm bảo duy trì hoạt động thường xuyên như môi trường, thị chính đô thị, chiếu sáng...

- Tập trung huy động hiệu quả các nguồn lực cho đầu tư phát triển, nhất là hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội theo hướng đồng bộ, hiện đại; ưu tiên đầu tư, cải tạo, nâng cấp, mở rộng các công trình giao thông trọng điểm có tính chất kết nối vùng, liên vùng, kết nối các khu du lịch trọng điểm, các khu, cụm công nghiệp với hệ thống quốc gia để thu hút phát triển công nghiệp, du lịch, mở rộng không gian đô thị, tạo dư địa và động lực phát triển kinh tế xã hội... Đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công, bảo đảm tiến độ giải ngân vốn đầu tư công của từng dự án theo kế hoạch từng tuần, từng tháng, từng quý nhất là các dự án trọng điểm, dự án lớn quan trọng có tính kết nối vùng, liên vùng, có sức lan tỏa, tạo dư địa, được xác định là động lực tăng trưởng năm 2027 của tỉnh; phấn đấu hoàn thành giải ngân 100% vốn đầu tư công Thủ tướng Chính phủ giao.

- Tập trung rà soát, tháo gỡ khó khăn và xử lý dứt điểm các vướng mắc của các dự án tồn đọng kéo dài (*cả trong và ngoài ngân sách*); kiên quyết thu hồi các dự án đầu tư có thời gian thực hiện kéo dài, khó có khả năng hoàn thành, các dự án công trình tồn đọng, dừng thi công; sắp xếp, sử dụng hiệu quả công trình trụ sở, tài sản công; xử lý các dự án chậm tiến độ, chậm đưa đất vào sử dụng, sử dụng đất không hiệu quả.

- Phát triển mạnh mẽ các thành phần kinh tế gắn với triển khai hiệu quả các Nghị quyết của Bộ Chính trị (*gồm: Nghị quyết số 68-NQ/TW về phát triển kinh tế tư nhân; Nghị quyết số 79-NQ/TW về phát triển kinh tế nhà nước; Nghị quyết số 10-NQ/TW về phát triển kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài*), cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), chỉ số hiệu quả Kinh tế tư nhân (BPI); Tạo môi trường kinh doanh minh bạch, rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục hành chính.

- Tiếp tục triển khai thực hiện Nghị quyết số 80-NQ/TW của Bộ Chính trị về phát triển văn hóa Việt Nam. Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Ninh Bình đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững; gắn phát triển văn hóa, phát triển du lịch với bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hoá truyền thống và xây dựng nếp sống văn hóa, văn minh đô thị. Ưu tiên nguồn lực bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị hệ thống di tích, danh thắng, đặc biệt tại các vùng trọng điểm du lịch, tu bổ và phục hồi di tích quốc gia đặc biệt Cố đô Hoa Lư; đồng thời, hoàn thiện hồ sơ xếp hạng các di tích quốc gia đặc biệt và di sản văn hóa phi vật thể; bảo tồn, phục dựng không gian văn hóa Kinh đô Hoa Lư xưa và các vùng phụ cận.

- Đảm bảo an sinh xã hội, thực hiện tốt chính sách ưu đãi đối với người có công, phúc lợi xã hội, giảm nghèo bền vững, chính sách an sinh xã hội, chăm sóc trẻ em, bình đẳng giới, chính sách dân tộc, tôn giáo, nhất là đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, đặc biệt ở vùng sâu, vùng xa; đẩy mạnh việc thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia. Mở rộng đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp; thực hiện hiệu quả chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế góp phần đảm bảo an sinh xã hội và phát triển kinh tế trên địa bàn tỉnh. Phát triển thị trường lao động linh hoạt, hiệu quả. Nâng cao hiệu quả công tác dạy nghề, giải quyết việc làm; đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế tri thức, kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn.

- Triển khai hiệu quả Nghị quyết số 71-NQ/TW của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 281/NQ-CP của Chính phủ, Chương trình hành động số 11-CTr/TU, Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 30 tháng 01 năm 2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về chiến lược phát triển giáo dục và đào tạo tỉnh Ninh Bình đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và tiếp tục triển khai hiệu quả Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04 tháng 11 năm 2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng “Về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo. Giữ vững chất lượng giáo dục phổ thông, giáo dục mũi nhọn ở thứ hạng cao; nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục, chất lượng trường chuẩn quốc gia; chất lượng dạy và học ngoại ngữ ở tất cả các cấp học và trình độ đào tạo; triển khai hiệu quả việc đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học. Tăng cường cơ sở vật chất và thiết bị dạy học đảm bảo đồng bộ, hiện đại theo quy định. Thực hiện tốt việc phân luồng học sinh sau tốt nghiệp trung học cơ sở, định hướng nghề nghiệp ở trung học phổ thông. Tập trung đầu tư, nâng cấp năng lực đào tạo và nghiên cứu khoa học của các cơ sở giáo dục đại học; trọng tâm là phát triển Khu đại học Nam Cao trở thành trung tâm đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, đa ngành của vùng Đồng bằng sông Hồng và cả nước.

- Triển khai hiệu quả Nghị quyết số 72-NQ/TW của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 08-NQ/TU ngày 30 tháng 01 năm 2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ

tỉnh về chiến lược phát triển y tế tỉnh Ninh Bình đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Tiếp tục tổ chức, sắp xếp các cơ sở y tế bảo đảm đáp ứng tốt nhu cầu chăm sóc sức khỏe người dân tại tất cả các khu vực trên địa bàn tỉnh. Triển khai có hiệu quả một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân: Đầu tư nâng cấp, hiện đại hóa cơ sở vật chất, trang thiết bị; thu hút và đào tạo nhân lực y tế chất lượng cao, chuyên môn sâu; tăng cường triển khai các hoạt động khám sàng lọc, khám định kỳ phát hiện, quản lý một số bệnh không lây nhiễm phổ biến, khám sức khỏe miễn phí cho người dân trên địa bàn tỉnh. Khuyến khích mạnh mẽ sự tham gia của khu vực tư nhân, thu hút đầu tư xây dựng các bệnh viện chất lượng cao, bệnh viện quốc tế để giảm tải cho tuyến công lập. Đẩy mạnh chuyển đổi số toàn diện, xây dựng cơ sở dữ liệu y tế dùng chung và cơ chế liên thông thông tin xét nghiệm, điều trị giữa các cơ sở y tế công lập và ngoài công lập.

- Tập trung triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 193/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia và Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 về đột phá khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. Triển khai có hiệu quả Đề án Chuyển đổi số tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2026-2030 và đưa vào vận hành Cổng thông tin điện tử đổi mới sáng tạo của tỉnh, các nền tảng mạng xã hội và các kênh về đổi mới sáng tạo của tỉnh. Đẩy mạnh nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, thúc đẩy chuyển đổi số, chuyển đổi xanh và phát triển kinh tế tuần hoàn. Hỗ trợ khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo cho các tổ chức, cá nhân; nghiên cứu, ứng dụng, triển khai, chuyển giao công nghệ, dịch vụ khoa học công nghệ. Tiếp tục thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ xây dựng chính quyền điện tử, Đề án 06 gắn với đảm bảo an toàn thông tin mạng hướng tới phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số và thúc đẩy chuyển đổi số trên các lĩnh vực.

- Tập trung triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 12-NQ/TU ngày 30 tháng 01 năm 2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo công tác quản lý, khai thác, sử dụng hiệu quả nguồn tài nguyên đất đai, khoáng sản trên địa bàn tỉnh Ninh Bình đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Tiếp tục rà soát, hoàn thiện chuẩn hóa Cơ sở dữ liệu đất đai trên địa bàn toàn tỉnh, kết nối, chia sẻ với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Xây dựng hệ thống thông tin cơ sở dữ liệu môi trường trên địa bàn tỉnh; quản lý chặt chẽ các nguồn thải, nhất là nước thải tại các khu, cụm công nghiệp, khu đô thị, khu dân cư tập trung, làng nghề và các nguồn thải có quy mô lớn, nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao; thực hiện đồng bộ các giải pháp chủ động thu gom, vận chuyển, xử

lý rác thải bảo vệ môi trường. Quản lý chặt chẽ hoạt động khai thác, sử dụng hiệu quả các nguồn tài nguyên khoáng sản, tài nguyên nước hướng tới phát triển bền vững. Thúc đẩy chuyển đổi số trong lĩnh vực khí tượng thủy văn; từng bước chia sẻ cơ sở dữ liệu khí tượng thủy văn phục vụ công tác quản lý nhà nước theo quy định. Tiếp tục thực hiện tốt công tác phòng chống thiên tai, quản lý đê điều, quản lý công trình thủy lợi, nước sạch nông thôn...

- Tập trung xây dựng chính quyền trong sạch, vững mạnh gắn với đẩy mạnh cải cách hành chính. Tiếp tục rà soát, sắp xếp tổ chức bộ máy gắn với tinh giản biên chế, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, vận hành hiệu quả chính quyền địa phương 02 cấp. Đánh giá chất lượng thực hiện nhiệm vụ của cán bộ, công chức trên cơ sở tiến độ, chất lượng công việc, thái độ phục vụ và sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp; nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức các cấp, nhất là cấp xã; siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính. Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền nhằm phát huy sự năng động, sáng tạo, tự chủ của các cơ quan, đơn vị, địa phương trong thực thi nhiệm vụ; cá thể hoá trách nhiệm, nhất là người đứng đầu theo nguyên tắc phân công rõ người, rõ việc, rõ thời gian, rõ kết quả, rõ trách nhiệm, rõ thẩm quyền đi đôi với tăng cường kiểm tra, đôn đốc, giám sát, kiểm soát quyền lực, nâng cao năng lực thực thi công vụ.

- Triển khai hiệu quả Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 30 tháng 4 năm 2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới; Thực hiện có hiệu quả Kế hoạch số 130/KH-UBND ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về triển khai tổng rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh; chuẩn hoá, làm sạch và cập nhật kịp thời, đầy đủ, chính xác thông tin, dữ liệu văn bản trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật. Thực hiện có hiệu quả chính sách dân tộc, tôn giáo, bảo đảm gắn kết hài hòa giữa phát triển kinh tế - xã hội, đẩy mạnh xóa đói, giảm nghèo, thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Tiếp tục đẩy mạnh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí tại các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh. Tiếp tục duy trì thực hiện tốt công tác tiếp dân, xử lý, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo ngay từ cơ sở, nhất là các vụ việc khiếu nại phức tạp, đông người, vượt cấp, kéo dài, không để xảy ra “điểm nóng”, các vụ, việc đột xuất, bất ngờ về an ninh trật tự; nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Nâng cao hiệu quả công tác tiếp công dân, giải quyết đơn thư, khiếu nại tố cáo, phát huy vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy các cấp trong việc tiếp dân, đối thoại và xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo, phản ánh kiến nghị của công dân.

- Tiếp tục xây dựng, củng cố vững chắc nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân gắn thể trận quốc phòng toàn dân với thể trận an ninh nhân dân, kết

hợp chặt chẽ giữa củng cố, tăng cường quốc phòng, an ninh với phát triển kinh tế, văn hoá xã hội và đối ngoại; chủ động nắm chắc tình hình, kịp thời phát hiện, đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, phản động, bảo đảm an ninh trên các lĩnh vực. Duy trì nghiêm chế độ trực sẵn sàng chiến đấu theo quy định. Đẩy mạnh công tác đấu tranh phòng, chống các loại tội phạm; triển khai các giải pháp kiềm chế, kéo giảm số vụ tội phạm về trật tự xã hội; tập trung tấn công trấn áp mạnh, quyết liệt với các loại tội phạm, tệ nạn xã hội, nhất là tội phạm lừa đảo chiếm đoạt tài sản; tội phạm đánh bạc; tội phạm kinh tế... Triển khai đồng bộ các giải pháp bảo đảm trật tự, an toàn giao thông, công tác phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, bảo đảm an toàn thông tin và an ninh mạng.

- Tổ chức triển khai đồng bộ, hiệu quả Nghị quyết số 59-NQ/TW của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế trong tình hình mới. Triển khai đồng bộ các biện pháp thúc đẩy hội nhập và hợp tác quốc tế; tích cực hợp tác với UNESCO và các tổ chức quốc tế; phát huy sức mạnh mềm của hội nhập và hợp tác quốc tế về văn hóa, giao lưu Nhân dân; mở rộng quan hệ giữa các đô thị di sản, trung tâm du lịch; tăng cường xúc tiến đầu tư, thu hút hiệu quả vốn FDI, ODA và các nguồn lực quốc tế. Tăng cường hợp tác quốc tế trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; chủ động tranh thủ các nguồn lực, kinh nghiệm và công nghệ tiên tiến từ các đối tác quốc tế phục vụ phát triển kinh tế số, xã hội số và chính quyền số.

- Rà soát, đề xuất dự kiến danh mục các chương trình, đề án quan trọng, trọng điểm trong năm 2027 của ngành, lĩnh vực, địa phương quản lý và xác định danh mục các dự án quan trọng, có đóng góp lớn, tác động vào tăng trưởng GRDP và phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn (*gồm các dự án đầu tư tư nhân, dự án đầu tư vốn nhà nước và dự án FDI*) theo phụ lục gửi kèm theo Chỉ thị số 26/CT-TTg ngày 12 tháng 6 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ và Hướng dẫn số 8453/BTC-NSNN ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Bộ Tài chính.

3. Nhiệm vụ xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2027

Năm 2027 là năm đầu tiên thực hiện phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi đầy đủ theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước (NSNN). Dự toán chi cân đối ngân sách địa phương (NSDP) được xác định theo nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên NSNN trong giai đoạn 2027-2030 và vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030 theo các Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

3.1. Về dự toán thu NSNN trên địa bàn

Dự toán thu NSNN năm 2027 xây dựng theo đúng chính sách, chế độ hiện hành, bảo đảm bao quát, thu đúng, thu đủ và kịp thời các nguồn thu của NSNN;

đánh giá sát khả năng thực hiện thu NSNN năm 2026 làm cơ sở xây dựng dự toán thu NSNN năm 2027; tính toán, lượng hóa cụ thể các yếu tố tăng, giảm và dịch chuyển nguồn thu do thay đổi chính sách pháp luật về ngân sách, thuế, phí, lệ phí và thực hiện lộ trình cắt giảm thuế, bám sát diễn biến tình hình kinh tế, tài chính trong nước và thế giới. Trong đó:

a) Dự toán thu nội địa năm 2027 *(không kể thu tiền sử dụng đất, thu từ hoạt động xổ số, tiền bán vốn nhà nước tại doanh nghiệp, cổ tức, lợi nhuận sau thuế)* trên địa bàn bình quân tăng ít nhất khoảng 13 - 15% so với đánh giá ước thực hiện năm 2026 (đã loại trừ các yếu tố tăng, giảm thu do thay đổi chính sách). Dự toán thu từ hoạt động xuất nhập khẩu năm 2027 tăng ít nhất khoảng 5 - 7% so với đánh giá ước thực hiện năm 2026. Phân đầu mức tăng trưởng thu NSNN cao nhất để đảm bảo phương án tỉnh Ninh Bình tự cân đối ngân sách vào năm 2028.

b) Toàn bộ số thu từ khai thác, xử lý tài sản công theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công *(bao gồm cả thu từ cho thuê quyền khai thác, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng)*, thu từ chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập, chuyển nhượng vốn nhà nước và chênh lệch vốn chủ sở hữu lớn hơn vốn điều lệ tại doanh nghiệp sau khi trừ đi các chi phí có liên quan theo quy định của pháp luật được tổng hợp đầy đủ và thực hiện nộp NSNN theo đúng quy định của pháp luật.

3.2. Về dự toán chi ngân sách địa phương

Xây dựng dự toán chi NSNN năm 2027 đảm bảo: (i) Tuân thủ các mục tiêu, giải pháp về tài chính - NSNN tại Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng và Kết luận số 18-KL/TW ngày 02 tháng 4 năm 2026; (ii) Tuân thủ các quy định của pháp luật, tăng cường kỷ cương, kỷ luật tài chính; (iii) Phù hợp với mục tiêu, chỉ tiêu tại Nghị quyết số 26/2026/QH16, số 27/2026/QH16 của Quốc hội; (iv) Nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn NSNN giai đoạn 2026-2030 và phân bổ dự toán chi thường xuyên NSNN năm 2027 đã được Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định.

Dự toán chi NSNN năm 2027 có đầy đủ căn cứ chính trị, pháp luật, thực tiễn, cơ sở tính toán rõ ràng, lộ trình triển khai, kết quả dự kiến đạt được, đảm bảo khả thi, hiệu quả; gắn kết chặt chẽ với quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, lĩnh vực. Yêu cầu triệt để tiết kiệm, cắt giảm các nội dung, nhiệm vụ chi không cần thiết, đặc biệt là chi hội nghị, hội thảo, đi công tác nước ngoài; giảm dần mức hỗ trợ trực tiếp từ NSNN cho các đơn vị sự nghiệp công lập có nguồn thu khá. Đặt hàng các đơn vị sự nghiệp công lập có điều kiện và một số doanh nghiệp đặc thù cung cấp dịch vụ công thiết yếu; đấu thầu rộng rãi cung cấp các dịch vụ công có tính cạnh tranh.

Tiếp tục cơ cấu lại chi NSNN để giảm tỷ trọng chi thường xuyên, tăng tỷ trọng chi đầu tư phát triển; ưu tiên nguồn lực thực hiện các mục tiêu đột phá, nhiệm vụ chính trị quan trọng được Đảng, Nhà nước quyết định, các Chương trình mục tiêu quốc gia, các chính sách an sinh xã hội, an ninh - quốc phòng; dành nguồn phù hợp với khả năng cân đối NSNN để thực hiện điều chỉnh tiền lương khu vực công, điều chỉnh lương hưu (*phần NSNN bảo đảm*), chính sách ưu đãi đối với người có công, bảo trợ xã hội.

Đối với các chính sách, chế độ, các chương trình, nhiệm vụ, đề án, dự án mới, các chủ trương đang trình cấp có thẩm quyền, tuân thủ nghiêm nguyên tắc chỉ ban hành khi đã rà soát tính cần thiết, hiệu lực, hiệu quả, không trùng lặp, có lộ trình triển khai rõ ràng, dự kiến được kết quả thực hiện và trong phạm vi nguồn lực NSNN đã được cơ quan tài chính cân đối, có ý kiến.

Trong đó, lưu ý một số nội dung sau:

a) Chi đầu tư phát triển

- Xây dựng kế hoạch phải phù hợp với các quy định của pháp luật và khả năng cân đối của NSNN trong năm; bám sát mục tiêu, định hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 05 năm giai đoạn 2026-2030, kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030 vốn ngân sách nhà nước, kế hoạch vay và trả nợ của tỉnh trong giai đoạn 2026-2030, các quy hoạch quốc gia, ngành, lĩnh vực, vùng, địa phương đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, trong đó phát triển trực công nghiệp - dịch vụ - di sản - du lịch bền vững; bảo đảm các cân đối vĩ mô, an toàn nợ chính quyền địa phương. Quán triệt nguyên tắc việc hạch toán kinh tế - xã hội, đánh giá hiệu quả đầu tư của dự án phải được thực hiện xuyên suốt trong quá trình từ xây dựng nhu cầu, phân bổ vốn, đến tổ chức thực hiện, quản lý sử dụng vốn đầu tư công và vận hành, khai thác công trình sau đầu tư; thực hiện bố trí vốn tập trung, có trọng tâm, trọng điểm, không dàn trải, manh mún; giảm tối thiểu 30% số lượng dự án so với giai đoạn 2021-2025; ưu tiên nguồn lực cho các dự án trọng điểm, có tính liên kết vùng, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội. Đồng thời, tăng cường kỷ luật, kỷ cương; nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu; kiên quyết phòng chống tham nhũng, lãng phí trong hoạt động đầu tư công theo đúng tinh thần Chỉ thị 16/CT-TTg của Chính phủ và Kết luận 18-KL/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

- Việc phân bổ kế hoạch vốn phải tuân thủ Hiến pháp, Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản pháp luật khác có liên quan; bảo đảm phù hợp với các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026-2030 theo quy định tại Nghị quyết số 70/2025/UBTVQH15 ngày 07 tháng 02 năm 2025, được sửa đổi bổ sung tại Nghị quyết số 120/2026/UBTVQH15 ngày 03 tháng 02 năm 2026 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Quyết định số 18/2026/QĐ-TTg ngày 18 tháng 4 năm 2026 của Thủ

tướng Chính phủ, Nghị quyết số 18/2025/NQ-HĐND ngày 31 tháng 10 năm 2025 và Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 29 tháng 4 năm 2026 của HĐND tỉnh về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030 vốn ngân sách địa phương tỉnh Ninh Bình; phù hợp với khả năng thực hiện, giải ngân của từng dự án.

- Bảo đảm bố trí vốn theo đúng thứ tự ưu tiên và phù hợp với khả năng cân đối ngân sách nhà nước, trong đó ưu tiên bố trí vốn cho các dự án đầu tư công đặc biệt, dự án đầu tư công khẩn cấp; Chương trình mục tiêu quốc gia, các dự án quan trọng quốc gia đã được Quốc hội quyết định chủ trương đầu tư; Bố trí đủ vốn để hoàn trả vốn ứng trước, dự án đã quyết toán, dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng nhưng chưa bố trí đủ vốn, đảm bảo đúng quy định của pháp luật; Bố trí vốn cho các Chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài, bao gồm cả vốn đối ứng, vốn ngân sách nhà nước tham gia thực hiện dự án theo phương thức đối tác công tư; Bố trí vốn theo tiến độ được phê duyệt cho các nhiệm vụ, dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2026 - 2030; Bố trí vốn cho nhiệm vụ quy hoạch, nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư; Bố trí vốn để thanh toán toàn bộ nợ đọng xây dựng cơ bản theo quy định của Luật Đầu tư công (*nếu còn*); Bố trí vốn cho cấp bù lãi suất tín dụng ưu đãi, phí quản lý; cấp vốn điều lệ cho các ngân hàng chính sách, quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách; hỗ trợ đầu tư cho các đối tượng khác theo quyết định của Chính phủ hoặc quyết định của Thủ tướng Chính phủ trong phạm vi khả năng cân đối ngân sách nhà nước; Bố trí vốn ngân sách địa phương để ủy thác thực hiện chính sách tín dụng ưu đãi thông qua Ngân hàng Chính sách xã hội. Sau khi bố trí đủ vốn cho các nhiệm vụ nêu trên, số vốn còn lại bố trí cho các dự án khởi công mới khi đủ thủ tục đầu tư theo quy định; trong đó, tập trung cân đối cho các dự án đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ kết nối vùng, liên vùng, có sức lan toả, mở rộng không gian, tạo dư địa thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, tạo đột phá thu hút nguồn lực ngoài ngân sách nhà nước.

b) Dự toán chi tiền lương, phụ cấp các khoản đóng góp, chế độ, chính sách theo chính sách, chế độ năm 2027 và biên chế về bộ máy chính quyền địa phương 02 cấp.

c) Giảm dần hỗ trợ chi thường xuyên trực tiếp từ NSNN đối với các đơn vị sự nghiệp công lập trên cơ sở: (i) Các đơn vị nâng cao hơn nữa mức độ tự chủ về tài chính và tổ chức bộ máy; NSNN chỉ hỗ trợ chi thường xuyên theo phân loại mức độ tự chủ tài chính và dự toán thu, chi hằng năm của đơn vị sự nghiệp công lập nhóm 3 và 4, nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định; (ii) Đẩy mạnh việc chuyển đổi cơ chế từ hỗ trợ trực tiếp sang đặt hàng, giao nhiệm vụ, đấu thầu cung cấp dịch vụ là chủ yếu, (iii) Rà soát, thu gọn đầu mỗi đơn vị sự nghiệp công lập theo yêu cầu của Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Trung ương, các kế hoạch định hướng sắp xếp, tinh

gọn bộ máy của Trung ương, của tỉnh và Chương trình hành động của Chính phủ, của tỉnh triển khai các Kết luận của Trung ương.

d) Đối với các nhiệm vụ chi thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia: Lập dự toán chi NSNN (đầu tư, thường xuyên) thực hiện từng Chương trình mục tiêu quốc gia phải tuân thủ quy định của Luật NSNN, Luật Đầu tư công, Nghị quyết của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư từng Chương trình mục tiêu quốc gia, Nghị định số 358/2025/NĐ-CP, các quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn NSTW và tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách của địa phương thực hiện từng Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2026-2030, Nghị quyết quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn Chương trình mục tiêu quốc gia của Hội đồng nhân dân tỉnh và các quy định có liên quan; bảo đảm trọng tâm, trọng điểm, công khai, minh bạch, không trùng lặp, sát khả năng thực hiện, giải ngân, quản lý tập trung, thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách (*chi tiết đến từng nội dung dự án thành phần của từng chương trình theo quy định*).

đ) Về dự toán tạo nguồn cải cách tiền lương theo Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21 tháng 5 năm 2018 của Trung ương: Các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, phường tiếp tục thực hiện các giải pháp tạo nguồn cải cách chính sách tiền lương theo quy định.

e) Khi lập dự toán đối với các nội dung tại mục 3.2 phần này, cần cụ thể hóa mức NSNN bố trí cho chương trình, dự án, nội dung, nhiệm vụ phát triển giáo dục - đào tạo và dạy nghề, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, phát triển văn hóa, chi công tác xây dựng pháp luật (*cả chi đầu tư và chi thường xuyên*) theo chủ trương của Đảng, hướng dẫn của Bộ Khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Trong đó, chi tiết các nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số và kinh phí tương ứng phục vụ các lĩnh vực giáo dục - đào tạo và dạy nghề, xây dựng văn bản pháp luật, y tế, văn hóa.

g) Đối với các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách: Các cơ quan, đơn vị thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 79-NQ/TW của Bộ Chính trị.

3.3. Xây dựng dự toán ngân sách xã, phường

Ngoài việc thực hiện nghiêm các yêu cầu tại điểm 3.1, điểm 3.2 Chỉ thị này, việc xây dựng dự toán ngân sách địa phương năm 2027 phải bảo đảm các yêu cầu sau:

a) Đối với dự toán thu NSNN trên địa bàn, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường chịu trách nhiệm trực tiếp chỉ đạo các cơ quan tài chính và các cơ quan liên quan tổ chức đánh giá sát tình hình thực hiện thu ngân sách năm 2026

và dự toán năm 2027, bám sát các chỉ tiêu được HĐND tỉnh, UBND tỉnh giao và các yêu cầu tại điểm 3.1 mục 3.

b) Đối với dự toán chi Ngân sách địa phương, các địa phương căn cứ nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ ngân sách năm 2027; bám sát nhiệm vụ phát triển KTXH năm 2027 của địa phương; đồng thời, thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách do trung ương và địa phương ban hành theo thẩm quyền, tổ chức xây dựng dự toán chi ngân sách địa phương theo đúng quy định của Luật NSNN, bảo đảm cơ cấu chi hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả, ưu tiên các nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách. Trong đó, rà soát ưu tiên chi khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo đúng quy định của pháp luật, chủ trương tại Nghị quyết số 57-NQ/TW, các Kế hoạch, thông báo của Ban Chỉ đạo Trung ương và Ban Chỉ đạo của Chính phủ và của tỉnh về phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

II. PHÂN CÔNG THỰC HIỆN VÀ TIẾN ĐỘ XÂY DỰNG

1. Phân công thực hiện

a) Sở Tài chính

- Căn cứ hướng dẫn số 8453/BTC-NSNN và Hướng dẫn số 8449-BTC-NSNN ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Bộ Tài chính, Sở Tài chính hướng dẫn các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2026, xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2027; đánh giá tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2026, lập dự toán ngân sách nhà nước năm 2027.

- Chủ trì tổng hợp, xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2027; phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng và tổng hợp dự toán ngân sách nhà nước năm 2027 theo quy định của Luật NSNN và các văn bản hướng dẫn thi hành, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan nghiên cứu xây dựng, hoàn thiện hệ thống nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên NSNN trong giai đoạn 2027 - 2030; phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương để tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định theo đúng quy định của pháp luật về NSNN và pháp luật có liên quan.

b) Thuế tỉnh, Chi cục Hải quan khu vực IV: Tổ chức đánh giá sát tình hình thực hiện thu ngân sách năm 2026 và dự toán năm 2027, bám sát các chỉ tiêu và yêu cầu được Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao.

c) Sở Nội vụ

- Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh trình Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo kết quả công tác quản lý biên chế và đề xuất Kế hoạch sử dụng biên chế công chức, số lượng người làm việc khối Chính quyền của năm tiếp theo theo hướng dẫn của Ban Tổ chức Trung ương.

- Căn cứ Quyết định giao biên chế khối Chính quyền hàng năm của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định biên chế công chức trong cơ quan của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp xã; phê duyệt tổng số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên, đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên và các hội quần chúng được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ thuộc phạm vi quản lý của tỉnh.

d) Các Sở, ban, ngành, cơ quan Đảng, đoàn thể thuộc tỉnh, các xã, phường, đơn vị, tổ chức sử dụng kinh phí nhà nước xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2027 thuộc lĩnh vực, địa bàn mình quản lý đúng theo tiến độ quy định, đảm bảo chất lượng, gửi Sở Tài chính tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

2) Về tiến độ xây dựng kế hoạch

a) Giao Sở Tài chính căn cứ Hướng dẫn số 8453/BTC-NSNN và Hướng dẫn số 8449/BTC-NSNN ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Bộ Tài chính, xây dựng hướng dẫn Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội, dự toán ngân sách nhà nước năm 2027 cho các Sở, ban, ngành, đoàn thể, các xã, phường.

b) Căn cứ hướng dẫn Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách nhà nước năm 2027; các sở, ban, ngành, đoàn thể, UBND các xã, phường triển khai đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2026, xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2027 của ngành, lĩnh vực và địa phương phù hợp với định hướng phát triển của tỉnh, gửi Sở Tài chính **trước ngày 30 tháng 6 năm 2026**; đánh giá tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2026, lập dự toán ngân sách nhà nước năm 2027 theo hướng dẫn của Sở Tài chính.

c) Sở Tài chính tổng hợp, xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2027 báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh **trước ngày 10 tháng 7 năm 2026**; dự toán ngân sách nhà nước năm 2027 báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh **trước ngày 05 tháng 7 năm 2026**. Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, báo cáo Bộ Tài chính về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2027 **trước ngày 15 tháng 7 năm 2026**; dự toán ngân sách nhà nước năm 2027 **trước ngày 10 tháng 7 năm 2026**.

d) Trên cơ sở tiếp thu ý kiến của Bộ Tài chính và chỉ tiêu, nhiệm vụ, định mức phân bổ kế hoạch năm 2027 được Thủ tướng Chính phủ giao; Sở Tài chính

chịu trách nhiệm hoàn thiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2027; dự toán ngân sách năm 2027, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, trình Hội đồng nhân dân tỉnh vào kỳ họp cuối năm.

đ) Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ giao kế hoạch năm 2027 đảm bảo đúng tiến độ theo quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các đơn vị có liên quan nghiêm túc triển khai thực hiện Chỉ thị này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ban Thường vụ Đảng ủy UBND tỉnh;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh và các đoàn thể;
- Các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc của Tỉnh ủy;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- UBND các phường, xã;
- Văn phòng UBND tỉnh: CVP, các PCVP và các VP, Ban, TT;
- Lưu: VT, VP2.

ĐVN-VP2

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thanh Bình